

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 02- 2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân

Bà Thái Kim Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Trương ThA Triều - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn bà Dương Thị Lan A, sinh năm 1989. Địa chỉ: Hẻm 711 MC, khu phố NBKh, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn ông Huỳnh, Tuan D, sinh ngày 14/9/1974. Địa chỉ: 2121 Tower Ave Superior, WI 54880, USA.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Dương Thị Lan A trình bày:

Năm 2011, bà và ông Huỳnh, Tuan D quen biết nhau, quá trình tìm hiểu ông bà nảy sinh tình cảm và tiến đến hôn nhân. Năm 2012 ông bà làm lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam, ông bà có con chung tên Huỳnh ThA N, sinh ngày 08/12/2012. Năm 2014 bà và ông Tuan D có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/01/2014. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà của bà tại ấp PT, xã MP, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang khoảng 01 tháng, sau đó ông Huỳnh, Tuan D quay về Mỹ, bà và ông Huỳnh Tuan D vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại, ông Huỳnh, Tuan D thỉnh thoảng về thăm mẹ con bà. Tết Nguyên Đán năm 2016 ông Huỳnh, Tuan D có về Việt Nam thăm mẹ con bà khoảng 03 tuần, trong thời gian này bà T mang

thai đứa con thứ hai là bé Dương Huỳnh N, sinh ngày 03/11/2017, sau đó ông Huỳnh, Tuan D quay về Mỹ. Từ đó ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, khoảng cách địa lý xa nên ông bà không có nhiều thời gian sống chung để vun đắp gia đình, từ đó vợ chồng không thấu hiểu nhau dẫn đến tình cảm mờ nhạt. Bà sống ly thân, một mình nuôi con từ đó cho đến nay.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Huỳnh, Tuan D.
- Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con là Huỳnh ThA Ngọc và Dương Huỳnh Nhân, bà Dương Thị Lan A không yêu cầu ông Huỳnh, Tuan D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- **Bị đơn ông Huỳnh, Tuan D:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ cho ông Huỳnh, Tuan D về yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Lan A, nhưng không có kết quả. Do đó, Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục đăng trên cổng thông tin điện tử và niêm yết các thủ tục tố tụng tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ, ấn định thời gian để ông Huỳnh, Tuan D thực hiện quyền trình bày ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, cũng như thông báo thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án cho ông Huỳnh, Tuan D được biết, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông Huỳnh, Tuan D vẫn vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được ý kiến của ông Huỳnh, Tuan D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Dương Thị Lan A.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trả lời luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Dương Thị Lan A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; đối với ông Huỳnh, Tuan D vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp, thông báo và niêm yết hợp lệ. Căn cứ theo quy định tại các điều Điều 227, 228, 238 và 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Dương Thị Lan A:

Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Dương Thị Lan A và ông Huỳnh, Tuan D quen biết nhau qua mai mối, hai bên có tình cảm yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 quyển số 02 ngày 17/01/2014. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa bà Dương Thị Lan A và ông Huỳnh, Tuan D hợp pháp.

Bà Lan A xác định, sau khi kết hôn ông Huỳnh, Tuan D trở về Hoa Kỳ và thường xuyên liên lạc với nhau nên tình cảm nhạt dần và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do khoảng cách địa lý xa xôi nên tình cảm hai bên không có cơ hội để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lan A yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh, Tuan D, bà Lan A xác định không còn tình cảm với ông Huỳnh, Tuan D.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, thông báo và niêm yết hợp lệ cho ông Huỳnh, Tuan D, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông Huỳnh, Tuan D vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Lan A để Tòa án xem xét.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị Lan A và ông Huỳnh, Tuan D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Lan A.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà Lan A và ông Huỳnh, Tuan D có được 02 người con tên Huỳnh ThA N, sinh năm 08/12/2012 và Dương Huỳnh N, sinh ngày 03/11/2017; bà Lan A là người trực tiếp nuôi con từ khi sinh ra cho đến nay; cháu Ngọc có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ; cháu Nhân còn nhỏ đang sống cùng mẹ và ông Huỳnh, Tuan D không có ý kiến về việc nuôi con, do đó giao cháu N và N cho bà Lan A tiếp tục nuôi con là đúng quy định và phù hợp nguyện vọng của cháu Ngọc. Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Tuy nhiên bà Dương Thị Lan A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc và Nhân nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lan A xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lan A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã tạm nộp.

[6] Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Lan A phải chịu chi phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng và chi phí thực tế ủy thác tư pháp 95 USD, bà Lan A đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Lan A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Lan A được ly hôn với ông Huỳnh, Tuan D.

2. Về con chung: Giao người con tên Huỳnh ThA Ngọc, sinh ngày 08/12/2012 và Dương Huỳnh Nhân, sinh ngày 03/11/2017 cho bà Dương Thị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lan A không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Ông Huỳnh, Tuan D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Dương Thị Lan A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp, theo biên lai thu tiền số 0006888 ngày 24/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Dương Thị Lan A phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, đã nộp xong theo biên lai thu số 0007885 ngày 27/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, chi phí thực tế ủy thác tư pháp 95 USD, đã nộp xong theo chứng từ giao dịch ngày 27/01/2022 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam, chi nhánh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Bà Dương Thị Lan A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Huỳnh, Tuan D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Út Mẫn